TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Linh

2. Ông Ngô Anh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 569/2018/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thanh T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố Q1, thị trấn Q, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: ông **Mai Quang K**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố Q12, thị trấn Q, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Bà và ông Mai Quang K tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện W, tỉnh Bình Thuận vào năm 2017, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới bà về nhà chồng ở

Khu phố Q12, thị trấn Q sinh sống cùng với gia đình nhà chồng. Khi mới bắt đầu cuộc sống hôn nhân, ông bà sống hạnh phúc nhưng sau đó một thời gian mỗi người có một cách suy nghĩ, quan điểm sống khác nhau, cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau nguyên nhân do ông Mai Quang K hay đánh đập bà. Nay bà cảm thấy thật sự không còn tình cảm với ông K và cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà và ông K có 02 người con chung tên Mai Chí K1, (sinh ngày 21/8/2007) và Mai Đình K2 (sinh ngày 21/11/2014). Bà T đề nghị được nhận nuôi cháu Mai Đình K2, giao cháu Mai Chí K1 cho ông K nuôi dưỡng. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn ông Mai Quang K: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Mai Quang K theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông K vẫn cố tình vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chỉ làm việc được với ông K một lần vào ngày 06/3/2019, tại biên bản lời khai ngày 06/3/2019, ông K thừa nhận cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không thể tiếp tục nên đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 người con chung tên Mai Chí K1, (sinh ngày 21/8/2007) hiện đang ở ông, và Mai Đình K2 (sinh ngày 21/11/2014) hiện đang ở với bà T. Ông đồng ý giao cháu Mai Đình K2 cho bà T, ông tiếp tục nhận nuôi cháu Mai Chí K1. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

- Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh T.

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh T được ly hôn với ông Mai Quang K.

- Về con chung: Bà T và ông K có 02 người con chung tên Mai Chí K1, (sinh ngày 21/8/2007) và Mai Đình K2 (sinh ngày 21/11/2014). Giao cháu Mai Đình K2 cho bà T nuôi dưỡng, giao cháu Mai Chí K1 cho ông K nuôi dưỡng. Bà T, ông K không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà T, ông K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án bị đơn ông Mai Quang K không thực hiện theo các giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại tại các phiên họp, phiên hòa giải mà không có lý do chính đáng. Qua xác minh, Tòa án xác định địa chỉ của ông K mà nguyên đơn cung cấp là đúng với thực tế và đã tiến hành việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông K nhưng do ông K vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện W, tỉnh Bình Thuận và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 284, quyển số I ngày 01/11/2007.

Theo các chứng cứ thu thập được thì trong quá trình chung sống, bà T và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông bà có suy nghĩ, quan điểm sống khác nhau, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc. Tuy trong quá trình giải quyết vụ án, ông K có lời khai thể hiện việc chấp nhận ly hôn với bà T do cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà T không thể kéo dài thêm được nữa nên đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy đây là các căn cứ cho thấy tình cảm vợ chồng của bà T và ông K không còn nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông K.

[3] Về con chung: Bà T và ông K 02 người con chung tên Mai Chí K1 (sinh ngày 21/8/2007), và Mai Đình K2 (sinh ngày 21/11/2014). Hiện cháu K1 đang ở cùng với gia đình ông K, cháu K2 đang ở với bà T; bà T có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K2, giao cháu K1 cho ông K nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu K1 và ông K thì cháu K1 có ý kiến mong muốn được ở với ông K, cũng như ông K cũng có nguyện vọng là tiếp tục được nuôi dưỡng cháu K1 nên xét thấy yêu cầu về con chung của bà T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của bà.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh T.

[1] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh T được ly hôn với ông Mai Quang K.

[2] Về con chung: Giao cháu Mai Chí K1 (sinh ngày 21/8/2007) cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Mai Đình K2 (sinh ngày 21/11/2014) cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Ông K và bà T không được ngăn cản nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0019713 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà T đã nộp đủ án phí.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/4/2019), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn Liên Hương;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Trí